HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ SÔNG ĐỐC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/NQ-HĐND	*Sông Đốc, ngày 07 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 xã Sông Đốc

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ SÔNG ĐỐC
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ 4 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm vốn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Nghị quyết số 55/2026/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về Kế hoạch đầu tư công năm 2026 tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 02125/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Cà Mau;

Xét Tờ trình số 128/TTr-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã về việc thông qua Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 xã Sông Đốc (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 30/BC-BKTNS ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân xã Sông Đốc Khóa II, Kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 xã Sông Đốc là 195.284 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030, bố trí vốn **18 danh mục dự án,** với tổng kế hoạch vốn **47.950 triệu đồng** *(trong đó, vốn ngân sách trung ương 28.500 triệu đồng, vốn xổ số kiến thiết đối ứng 19.450 triệu đồng).*

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ ngân sách xã quản lý chi, bố trí vốn **32 danh mục dự án,** với tổng kế hoạch vốn **147.334 triệu đồng** *(trong đó, vốn ngân sách tập trung 129.287 triệu đồng, vốn xổ số kiến thiết 18.047 triệu đồng).*

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch vốn thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã báo cáo Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Hội đồng nhân dân xã kêu gọi Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động Nhân dân cùng thực hiện, đồng thời trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, góp phần bảo đảm Nghị quyết được triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Sông Đốc khóa II, Kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) thông qua ngày 07 tháng 10 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- KBNN KV XX - PGD số 14;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- BTT.UBMTTQ Việt Nam xã;
- Các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã;
- Ban Quản lý dự án xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Trưởng các ấp;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

H.Đ.N.D XÃ SÔNG ĐỐC T. CÀ MAU

Mã Minh Tâm

Phụ lục

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 CỦA XÃ SÔNG ĐỐC

(Kèm theo Nghị quyết số: 18/NQ-HĐND ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Sông Đốc)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Ước lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (không bao gồm số đã nộp hoàn trả ngân sách nhà nước nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030				Ghi chú
										Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó:			
											Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tập trung	Vốn đối ứng ngân sách địa phương từ nguồn xổ số kiến thiết (tỉnh bổ sung)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
	TỔNG CỘNG										**388,521.000**	**237,932.000**			**195,284.000**	**28,500.000**	**129,287.000**	**37,497.000**	
I	**VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030**										**237,932.000**	**237,932.000**			**47,950.000**	**28,500.000**	**0.000**	**19,450.000**	
1	Nâng cấp hệ thống chiếu sáng đường giao thông bờ Nam Sông Đốc	Ấp Tân Hòa, Thị Kẹo	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2026-2027	1811/QĐ-UBND ngày 09/9/2026	4,800.000	4,800.000	2026		4,179.000	1,729.000		2,450.000	
2	Tuyến đường kênh Rạch Dinh phía Tây	Ấp Rạch Dinh	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2026-2027	1879/QĐ-UBND ngày 24/9/2026	3,997.000	3,997.000	2026		100.000	100.000			
3	Tuyến kênh Thầy Tư	Ấp Rạch Dinh	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2026-2027	1880/QĐ-UBND ngày 24/9/2026	6,149.000	6,149.000	2026		100.000	100.000			
4	Tuyến đường bờ Nam Kinh Cái	Ấp Rẫy Mới	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2026-2027	1881/QĐ-UBND ngày 24/9/2026	5,265.000	5,265.000	2026		100.000	100.000			
5	Tuyến đường kênh Huyện Đoán bờ Nam	Ấp Mỹ Bình	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2026-2027	1882/QĐ-UBND ngày 24/9/2026	4,860.000	4,860.000	2026		100.000	100.000			
6	Tuyến đường kênh Đầu Sấu Năm Thành bờ Nam	Ấp Mỹ Bình	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2026-2027	1876/QĐ-UBND ngày 24/9/2026	2,970.000	2,970.000	2026		100.000	100.000			
7	Tuyến kênh Thú Y	Ấp Đất Biển	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2026-2027	1877/QĐ-UBND ngày 24/9/2026	2,160.000	2,160.000	2026		100.000	100.000			
8	Tuyến đường kênh Quảng Thép phía Nam (từ cầu Quảng Thép giáp với tuyến đường vào trung tâm hành chính xã Sông Đốc đến đê biển Tây)	Ấp Rạch Ruộng, ấp Xẻo Đôi	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2026-2027	1878/QĐ-UBND ngày 24/9/2026	24,314.000	24,314.000	2026		700.000	700.000			
9	Tuyến đường kênh Xáng Cùng bờ Đông	Ấp Rạch Dinh, ấp Mỹ Bình	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2026-2027		58,800.000	58,800.000	2027		10,750.000	3,550.000		7,200.000	
10	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường bờ Đông kênh Rạch Dinh Nhỏ, bờ Bắc Kênh Cái	Ấp Thị Kẹo	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2026-2027		23,600.000	23,600.000	2027		5,900.000	2,400.000		3,500.000	
11	Nâng cấp, mở rộng tuyến bờ Đông kênh Bảy Thanh	Ấp Thị Kẹo, ấp Rẫy Mới, ấp Mỹ Bình	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2026-2027		63,275.000	63,275.000	2027		4,350.000	2,350.000		2,000.000	
12	Tuyến đường bờ Đông kênh Xẻo Quao (từ nhà ông Nguyễn Văn Huy đến nhà bà Danh Thị An)	Ấp Xẻo Quao	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2027		7,800.000	7,800.000	2027		4,708.000	3,858.000		850.000	
13	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông bờ Nam Sông Đốc (từ cầu Sông Đốc đến kênh Xáng Mới)	Ấp Rạch Dinh	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2027		7,650.000	7,650.000	2027		3,825.000	375.000		3,450.000	
14	Tuyến đường bờ Tây kênh Bảy Thanh (từ Trường THCS 2 Phong Điền đến Trường TH 1 Phong Điền)	Ấp Tân Hòa	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2029		6,050.000	6,050.000	2029		3,025.000	3,025.000			
15	Tuyến đường bờ Tây kênh Rạch Ruộng (từ kênh Quảng Thép đến kênh ấp Huề)	Ấp Rạch Ruộng	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2027		2,990.000	2,990.000	2027		1,495.000	1,495.000			
16	Tuyến đường kênh Quảng Thép, phía Bắc (từ hộ ông Trần Xuân Thành đến nhà bà Bùi Thị Cúc)	Ấp Rạch Ruộng	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2027		3,475.000	3,475.000	2027		1,738.000	1,738.000			
17	Tuyến đường từ Bia tưởng niệm Bão số 5 đến giáp đường bê tông hiện hữu	Ấp Biển Tây	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2027		1,509.000	1,509.000	2027		755.000	755.000			

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Ước lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (không bao gồm số đã nộp hoàn trả ngân sách nhà nước nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030				Ghi chú
										Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó:			
											Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tập trung	Vốn đối ứng ngân sách địa phương từ nguồn xổ số kiến thiết (tỉnh bổ sung)	
18	Tuyến đường bờ Đông kênh Nông Trường Dừa	Ấp Rẫy Mới	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2028		8,268.000	8,268.000	2028		5,925.000	5,925.000			
II	**ĐẦU TƯ, NÂNG CẤP THEO NGÀNH LĨNH VỰC**										**150,589.000**				**147,334.000**	**0.000**	**129,287.000**	**18,047.000**	**NGÂN SÁCH XÃ QUẢN LÝ (bao gồm đầu tư, nâng cấp các tuyến đường đất đen khu vực dân cư nông thôn trên địa bàn xã)**
*	**LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG**																		
1	Sửa chữa, nâng cấp sân, phòng làm việc và phòng nghỉ Ban Chỉ huy Quân sự xã	Ấp Rạch Ruộng	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2026	883/QĐ-UBND ngày 24/9/2026	350.000	350.000	2026		300.000		300.000		
*	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**																		
2	Sửa chữa, nâng cấp sân trường trên địa bàn xã	Trên địa bàn xã	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2027		5,000.000	5,000.000	2027		14,603.000		14,500.000	103.000	
3	Cơ sở vật chất, trang thiết bị lớp học các trường trên địa bàn xã	Trên địa bàn xã	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2027		3,000.000	3,000.000	2027		6,700.000		6,700.000		
*	**LĨNH VỰC VĂN HÓA**																		
4	Di dời bia tưởng niệm Bão số 5 năm 1997 Linda	Ấp Đất Biển	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2027		5,000.000	5,000.000	2027		4,700.000		4,700.000		
5	Công viên dọc sông Ông Đốc, ấp Rạch Ruộng	Ấp Rạch Ruộng	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2026-2027		5,000.000	5,000.000	2027		29,551.000		29,400.000	151.000	
6	Trồng cây xanh tuyến đường từ lộ bờ Nam đến bến tàu tập kết ra Rác	Ấp Đất Biển	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2027		2,000.000	2,000.000	2027		1,800.000		1,800.000		
7	Nhà văn hóa của 11 ấp trên địa bàn xã	Trên địa bàn xã	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2027		5,500.000	5,500.000	2027		5,300.000		5,300.000		
*	**LĨNH VỰC GIAO THÔNG**																		
8	Tuyến bờ Đông cống 1 và bờ Đông kênh Xã Thuần (điểm đầu từ cống 1, điểm cuối là hết lộ 1,5m hiện hữu của kênh Xã Thuần)	Ấp Nông Trường	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2027		3,500.000	3,500.000	2027		3,300.000		3,300.000		
9	Tuyến đường phía Đông kênh Mười Thành (từ hộ Phạm Văn Minh đến kênh Ấp Huế)	Ấp Nông Trường	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2027		4,600.000	4,600.000	2027		4,200.000		4,200.000		
10	Tuyến đường phía Đông kênh Phù Lý (từ hộ ông Huỳnh Công Nguyên đến hộ ông Vũ Văn Tuấn)	Ấp Nông Trường	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2027		4,000.000	4,000.000	2027		3,800.000		3,800.000		
11	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông bờ Nam Sông Đốc (từ cống kênh Xáng Cùng đến cầu Xáng Cùng)	Ấp Xẻo Quao	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2028		3,150.000	3,150.000	2028		2,900.000		2,900.000		
12	Tuyến đường bờ Tây Kênh Thầy Tư	Ấp Rạch Dinh	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2028		2,910.000	2,910.000	2028		2,700.000		2,700.000		
13	Tuyến đường Nam kênh Chệt Xiếu	Ấp Rẫy Mới	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2028		3,960.000	3,960.000	2028		3,850.000		3,700.000	*150.000*	
14	Tuyến đường bờ Đông kênh Nhiêu Đáo	Ấp Nông Trường	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2029		3,420.000	3,420.000	2029		3,200.000		3,200.000		
15	Tuyến đường bờ Đông kênh Chống Mỹ	Ấp Rẫy Mới	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2029		3,930.000	3,930.000	2029		3,800.000		3,700.000	*100.000*	
16	Tuyến đường kênh Chống Mỹ trên lộ 1,5m hiện hữu	Ấp Rẫy Mới	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2029		5,610.000	5,610.000	2029		5,550.000		5,200.000	*350.000*	
17	Tuyến đường bờ Bắc Chệt Xiếu	Ấp Rẫy Mới	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2029		1,503.000	1,503.000	2029		1,400.000		1,400.000		
18	Tuyến đường bờ Nam Kênh Cải	Ấp Rẫy Mới	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2030		5,000.000	5,000.000	2030		4,700.000		4,700.000		

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Quy mô đầu tư	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư)	Ước lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước (không bao gồm số đã nộp hoàn trả ngân sách nhà nước nếu có)	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030				Ghi chú
										Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó:			
											Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Vốn ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tập trung	Vốn đối ứng ngân sách địa phương từ nguồn xổ số kiến thiết (tỉnh bổ sung)	
19	Tuyến đường kênh Nông Trường Dừa (từ Trường học đến hộ Trần Phi Hùng)	Ấp Rẫy Mới	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2030		6,000.000	6,000.000	2030		5,650.000		5,500.000	150.000	
20	Tuyến đường bờ Đông kênh 60	Ấp Rẫy Mới	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2030		4,890.000	4,890.000	2030		4,712.000		4,562.000	150.000	
21	Tuyến đường kênh 30	Ấp Rẫy Mới	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã				2030		5,730.000	5,730.000	2030		5,618.000		5,500.000	118.000	
	DANH MỤC CÔNG TRÌNH MỚI ĐÃ KHỞI CÔNG NĂM 2026										**66,536.000**	**66,536.000**			**29,000.000**	**0.000**	**12,225.000**	**16,775.000**	
I	**Lĩnh vực giáo dục và đào tạo**										**2,209.000**	**2,209.000**			**989.357**	**0.000**	**989.357**	**0.000**	
22	Trường Tiểu học 3 Phong Điền	Ấp Đất Biển	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã	8189783	070, 072		2026-2027	1282/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	2,209.000	2,209.000	2026		989.357		989.357		
II	**Lĩnh vực giao thông, hạ tầng kỹ thuật**										**64,327.000**	**64,327.000**			**28,010.643**	**0.000**	**11,235.643**	**16,775.000**	
23	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông bờ Tây Kênh Ranh (đoạn từ lộ nhựa đến giáp kênh Ấp Huế)	Ấp 12	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã	8187485	280, 292		2026-2027	1270/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	9,075.000	9,075.000	2026		8,307.189		4,394.958	3,912.231	
24	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông tuyến bờ Tây kênh Chống Mỹ (đoạn từ nhà Võ Văn Chiến đến nhà Nguyễn Văn Út)	Ấp Rẫy Mới	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã	8178971	280, 292		2026-2027	1271/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	1,014.000	1,014.000	2026		857.807		857.807		
25	Đường giao thông dọc sông Ông Đốc (đoạn từ cầu Bày Thanh đến cống Kênh Xáng Cùng)	Ấp 5	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã	8184854	280, 292		2026-2027	1272/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	16,021.000	16,021.000	2026		380.000		380.000		
26	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông bờ Đông kênh Rạch Ruộng (đoạn từ nhà Vũ Hoàng Trung đến đất Ninh Văn Thủy)	Ấp 10	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã	8178665	280, 292		2026-2027	1273/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	5,416.000	5,416.000	2026		4,953.878		4,953.878		
27	Đường bờ Tây kênh Xẻo Quao	Ấp 6A, ấp Đất Biển, ấp Đất Mới	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã	8182152	280, 292		2026-2028	1194/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	18,286.000	18,286.000	2026		649.000		649.000		
28	Công viên dọc sông Ông Đốc (đoạn trước trụ sở HĐND, UBMTTQVN xã và Công an xã)	Ấp 7	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã	8178664	280, 292		2026-2027	1280/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	2,500.000	2,500.000	2026		2,126.764			2,126.764	
29	San lấp mặt bằng khu vực phía Đông tuyến đường vào Khu di tích quốc gia Tượng đài chuyến tàu tập kết ra Bắc năm 1954	Ấp 6B	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã	8181277	280, 292		2026-2027	1281/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	2,299.000	2,299.000	2026		1,988.432			1,988.432	
30	Tuyến đường bờ Tây kênh Rạch Vinh Lớn	Ấp 4, ấp Tân Phú	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã	8177863	280, 292		2026-2027	1284/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	3,131.000	3,131.000	2026		2,682.184			2,682.184	
31	Tuyến đường bờ Nam kênh Chống Mỹ	Ấp Tân Phú	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã	8178879	280, 292		2026-2027	1285/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	3,938.000	3,938.000	2026		3,626.621			3,626.621	
32	Tuyến đường bờ Đông kênh Xáng Cùng	Ấp 4	KBNN khu vực XX- Phòng GD số 14	C	Ban QLDA xã	8188877	280, 292		2026-2027	1286/QĐ-UBND ngày 04/12/2025	2,647.000	2,647.000	2026		2,438.768			2,438.768	